

Số: /BC-VPUBND

Gia Lai, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Công tác phòng chống, tham nhũng, tiêu cực Quý III và 9 tháng đầu năm 2025

Thực hiện Công văn số 343/TTT-PCTNTC ngày 22/8/2025 của Thanh tra tỉnh về việc đề nghị thực hiện chế độ thông tin báo cáo phòng chống, tham nhũng, tiêu cực (PCTNTC) Quý III và 9 tháng đầu năm 2025, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG, THAM NHƯNG, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTNTC; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTNTC

Tập trung theo dõi, tham mưu UBND tỉnh những nội dung, công việc trong công tác phòng, chống tham nhũng; nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng các kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực.

Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, Văn phòng đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-VPUBND ngày 10/01/2025 Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Văn phòng UBND tỉnh năm 2025 và các Kế hoạch¹ để lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về công tác PCTNTC theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có lập trường, tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng, có ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện công vụ và phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực

¹ Kế hoạch số 42/KH-VPUBND ngày 14/01/2025 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025; Kế hoạch số 870/KH-VP ngày 11/3/2025 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025; Kế hoạch số 186/KH-VPUBND ngày 12/3/2025 về việc thực hiện Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 13/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Kế hoạch số 91/KH-VPUBND ngày 13/02/2025 về việc Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025; Kế hoạch số 92/KH-VPUBND ngày 13/02/2025 Kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Kế hoạch số 1139/KH-VPUBND ngày 31/12/2024 về Cải cách hành chính năm 2025; Kế hoạch số 100/KH-VPUBND ngày 17/02/2025 Truyền thông cải cách hành chính nhà nước của Văn phòng UBND tỉnh năm 2025; Công văn số 1101/VPUBND-KSTT ngày 17/12/2024 về việc nâng cao trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công văn số 77/VPUBND-HCTC ngày 07/02/2025 v/v triển khai thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Công văn số 408/VPUBND-HCQT ngày 12/5/2025 V/v triển khai thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

hiện tốt các quy định trong công tác quản lý, sử dụng về chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định của cấp trên và quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng UBND tỉnh. Tăng cường lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở gắn với dân vận chính quyền trong cơ quan, phát huy tích cực trong công tác kiểm tra, giám sát góp phần quan trọng trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đổi mới hình thức tuyên truyền bằng đăng tải, cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Văn phòng và nhóm trao đổi thông tin nội bộ của cơ quan, đồng thời tiếp tục phổ biến trong các cuộc họp giao ban, sinh hoạt chi bộ định kỳ, các buổi hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết.

Tiếp tục tổ chức phổ biến, quán triệt cho CBCCVV, người lao động về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong công tác PCTNTC; trong đó tập trung vào những nội dung trọng tâm sau: *Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 13/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật.*

Tăng cường phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về PCTNTC: Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 07/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí*; Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế*; Kế hoạch số 3377/KH-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh về *thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ về ban hành chiến lược quốc gia PCTNTC đến năm 2030 và Công ước liên hợp quốc về PCTN giai đoạn 2023-2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 20/9/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với việc phát hiện, xử lý hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, chần chừ, khắc phục tình trạng sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, không dám làm của CBCCVV trên địa bàn tỉnh*; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 09/12/2024, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2025 (tại mục 3 phần III Nghị quyết có nhiệm vụ xây dựng, triển khai

hiệu quả kế hoạch thực hiện công tác PCTNTC năm 2025); Văn bản số 1645-CV/TU ngày 26/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Quy định 189-QĐ/TW của Bộ Chính trị...

2. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực theo chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

2.1. Về kết quả thực hiện công khai, minh bạch

Nội dung công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN năm 2018. Đảng ủy, lãnh đạo Văn phòng quán triệt, phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ chính trị của cơ quan; các kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng, hàng tuần tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Công khai dự toán ngân sách đảm bảo tính minh bạch, thực hiện đúng định mức, tiết kiệm².

Về mua sắm tài sản công: Tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước để đảm bảo tinh thần mua sắm tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả tài sản được mua. Thực hiện thường xuyên việc mua sắm tài sản theo phương thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia và đấu thầu tập trung đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo quy định.

Về công tác tổ chức cán bộ: Giải quyết chế độ, nâng bậc lương; đánh giá, xếp loại công chức, viên chức năm 2024 đảm bảo quy định. Các chương trình, kế hoạch quan trọng của cơ quan đều được gửi đến các phòng, ban, đơn vị lấy ý kiến.

Việc công khai được thực hiện bằng nhiều hình thức như niêm yết tại bảng thông báo nội bộ cơ quan; thông báo tại các cuộc họp, hội nghị toàn cơ quan hoặc thông báo bằng văn bản đến các phòng, ban, đơn vị; đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng...

2.2. Kết quả ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công kèm theo Quyết định số 69/QĐ-VPUBND ngày 08/9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh trong thực hiện chế độ tự chủ.

Tăng cường kiểm tra, rà soát các nội dung do các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc đề xuất để thực hiện đúng chế độ chính sách, pháp luật hiện hành của

² Quyết định số 16/QĐ-VPUBND ngày 11/02/2025 Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong việc sử dụng xe ô tô, các thiết bị văn phòng, chế độ hội nghị, công tác phí...

2.3. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 3441/KH-VP ngày 10/10/2019 về thực hiện Phong trào thi đua *“Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”* và Quyết định 111/QĐ-VP ngày 19/7/2021 về *“Ban hành quy chế văn hóa công sở tổ chức triển khai đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động”*.

Trong quá trình thực thi công vụ, lãnh đạo cơ quan thường xuyên quán triệt, nhắc nhở cán bộ công chức, viên chức và người lao động phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của tổ chức và công dân.

Chấp hành nghiêm chế độ, thời gian làm việc theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và quy chế của cơ quan, sử dụng hiệu quả thời gian làm việc. Chấp hành kỷ cương, kỷ luật, tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ quan; thực hiện nhiệm vụ được phân công một cách nghiêm túc, trách nhiệm. Tâm huyết, tận tụy, gương mẫu làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không cơ hội, ích kỷ, không bè phái gây mất đoàn kết nội bộ. Chấp hành nghiêm quy định về chuẩn mực giao tiếp và ứng xử trong cơ quan, giao tiếp và ứng xử với nhân dân. Qua đó, đã giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nâng cao ý thức tự giác rèn luyện để có tác phong, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm hơn.

Thực hiện dân chủ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan: Công khai những việc cán bộ công chức biết, những việc cán bộ công chức tham gia ý kiến và những việc cán bộ công chức được giám sát, kiểm tra. Sắp xếp, tổ chức bộ máy cơ quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; bố trí đúng người, đúng việc theo vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, hiệu quả hoạt động của cơ quan. Việc tinh giản biên chế đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện các quy định về chuẩn mực đạo đức là một trong các nội dung trọng tâm được lồng ghép trong công tác kiểm tra giám sát đảng viên, đánh giá công chức hằng năm; trong việc chấp hành quy chế công vụ, văn hóa công sở, thực hiện nhiệm vụ được giao của công chức, viên chức hằng năm.

2.4. Kết quả chuyển đổi vị trí công tác

Nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện, Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên tuyên truyền, quán triệt việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, các quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Thực hiện rà soát, đánh giá năng lực thực tiễn, trình độ chuyên môn đào tạo để xem xét luân chuyển cán bộ theo đúng quy định của cấp trên, nhất là ở một số vị trí công tác, lĩnh vực mang tính nhạy cảm. Rà soát, sắp xếp, bố trí sử dụng có hiệu quả, phát huy tối đa năng lực, sở trường của đội ngũ công chức, viên chức gắn với thực hiện nghiêm Luật phòng, chống tham nhũng; phòng ngừa, hạn chế tham nhũng, tiêu cực.

2.5. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Văn phòng đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính; ban hành các Kế hoạch³; xác định các nhiệm vụ trọng tâm và đưa ra các giải pháp thực hiện cụ thể theo từng lĩnh vực. Đồng thời phân công nhiệm vụ và thời gian hoàn thành đối với từng phòng, ban chuyên môn.

Luôn chú trọng việc tăng cường triển khai áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các công việc chuyên môn như: Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng internet, phần mềm máy tính, mạng nội bộ... nhằm đảm bảo cho việc thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản được thực hiện thông qua phần mềm iDesk; khuyến khích việc nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, cách làm hay để nâng cao hiệu quả công việc; ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động của cơ quan (tiếp nhận, xử lý, số hoá, phát hành văn bản). Đồng thời, quán triệt các nhiệm vụ cụ thể đến từng phòng, ban, đơn vị để thống nhất thực hiện.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam; Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022

³ Kế hoạch số 619/KH-VPUBND ngày 07/8/2024 về việc cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số: PAPI, SIPAS, PAR INDEX, PCI của tỉnh và của Văn phòng UBND tỉnh đến năm 2025; Kế hoạch số 1139/KH-VPUBND ngày 31/12/2024 về cải cách hành chính năm 2025; Kế hoạch số 4888/KH-VP ngày 26/12/2024 về cải cách hành chính năm 2025; Kế hoạch số 100/KH-VPUBND ngày 17/02/2025 truyền thông về cải cách hành chính của Văn phòng năm 2025; Kế hoạch số 251/KH-VPUBND ngày 12/8/2025 về cải cách hành chính năm 2025; Kế hoạch số 370/KH-VPUBND ngày 04/9/2025 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính nhà nước của Văn phòng UBND tỉnh năm 2025.

của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các văn bản khác có liên quan. Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc chi trả lương, tiền công và các khoản phụ cấp; thanh toán tiền điện nước, tiền điện thoại đối với các chức danh theo tiêu chuẩn; các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định. Hiện nay, 100% chứng từ thanh toán được chi trả qua tài khoản ngân hàng.

2.6. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập

Triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Báo cáo kết quả thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định, cụ thể tổng số người đã thực hiện kê khai: **29** người (VP UBND tỉnh Gia Lai cũ) và **24** người (VP UBND tỉnh Bình Định cũ).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực

a) *Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:* Không có.

b) *Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:* Không có.

c) *Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:* Không có.

d) *Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác:* Không có.

đ) *Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương:* Không có.

e) *Kết quả xử lý tài sản tham nhũng:* Không có.

f) *Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu:* Không có.

g) *Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra:* Không có

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương

Đảng ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo cơ quan Văn phòng và đoàn thể tăng cường tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm trong cơ quan; lãnh đạo cơ quan Văn phòng bám sát các nội dung quy định của cấp trên để xây dựng kế hoạch hằng năm và ban hành chương trình hành động sát nội dung văn bản yêu cầu và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Việc thực hiện các nội dung trong chương trình hành động về cơ bản đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đã phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, trưởng các phòng, ban, bộ phận chịu trách nhiệm trước những công việc và quyết định của mình; phát huy trí tuệ và tính năng động, sáng tạo trong giải quyết, xử lý công việc; lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tư tưởng trong sáng, có đạo đức lối sống lành mạnh, có đủ trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn, nắm và vận dụng lý luận đối với từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể, đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới.

Nêu cao tinh thần đoàn kết thống nhất nội bộ trong cơ quan, phát huy vai trò và sức mạnh của các tổ chức Đảng, đoàn thể tạo nên sức mạnh tổng hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Tăng cường chức năng hoạt động của đoàn thể đã thực hiện tốt việc giám sát các chế độ, chính sách, học tập, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm và các chế độ về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm... góp phần quan trọng trong việc thực hiện quy chế dân chủ của cơ quan.

Trong kỳ không có cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên nào có biểu hiện vi phạm tham nhũng, lãng phí.

2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Công tác tuyên truyền đôi lúc còn chậm; ý thức tự giác và trách nhiệm của một số công chức, viên chức, người lao động trong thực hành tiết kiệm đôi lúc chưa cao; vẫn còn một số tồn tại như một số ít công chức, viên chức chưa dành nhiều thời gian để tìm hiểu, nghiên cứu nắm chắc và vận dụng có hiệu quả các nội dung, quy định về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Văn phòng UBND tỉnh đối với công tác PCTNTC tại cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo bồi dưỡng; công khai tình hình thực hiện dự toán của cơ quan hàng

quý theo quy định; tích cực ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Thực hiện tốt các biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng, quản lý đảng viên, chế độ tự phê và tự phê bình tại các buổi họp, sinh hoạt chi, đảng bộ theo định kỳ, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên phát giác những hành vi tiêu cực, tham nhũng, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của tổ chức Đảng và đảng viên trong công tác phòng, chống tham nhũng; giải quyết hài hoà, hợp tình hợp lý các ý kiến, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; quan tâm chăm lo đời sống tinh thần người lao động.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, quan tâm đầu tư trang thiết bị. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức cải tiến lề lối làm việc, sáng kiến kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường hơn nữa việc theo dõi quản lý trong các lĩnh vực nhất là những công việc dễ xảy ra tiêu cực như quản lý tài chính, tài sản, mua sắm tại đơn vị.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý dứt điểm các vụ tòn đơng, phức tạp, tránh để xảy ra điểm nóng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Quý III và 9 tháng đầu năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo VP (b/c);
- Lưu: VT, HCQT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Xuân Vĩnh

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUBND ngày tháng 9 năm 2025
của Văn phòng UBND tỉnh)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU (Quý III)	SỐ LIỆU (9 tháng đầu năm 2025)
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT			
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	02	11
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0	0
03	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN			
04	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0	0
05	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0	0
06	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>			
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0	0
08	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>			
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	01	02
10	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0	0
11	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	0	0
12	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Vụ	0	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hành chính	Người	0	0
15	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	0	0
17	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0	0

	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn			
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	0	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0	0
23	Số người bị xử lý do vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn			
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0	0
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt			
25	Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0	0
26	Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0	0
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0	0
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn			
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	0	0
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0	0
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0	0
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN			
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0	0
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị			
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0	0

40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0	0
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Vụ	0	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0	0
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Người	0	0
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>			
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	0	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>			
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>			
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>			
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		0	0
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>			
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0	0

62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng	Người	0	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG			
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0	0
66.1	- Khiển trách	Người	0	0
66.2	- Cảnh cáo	Người	0	0
66.3	- Cách chức	Người	0	0
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ			
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Vụ	0	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>) trong đó:	Người	0	0
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	0	0
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	0	0
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	0	0
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	0	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0	0
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.			
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0
74	Đất đai	m ²	0	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường			
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0	0
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0	0
76	Đất đai	m ²	0	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0	0

	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được			
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0
78	Đất đai	m ²	0	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC			
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0	0
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0